

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÔNG LÔ  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2020/HS-ST  
Ngày 04 tháng 11 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ - TỈNH VĨNH PHÚC**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Vũ Mạnh Tuấn.

2. bà Dương Thị Thanh Tuyết.

*- Thư ký phiên tòa:* bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô:* ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 10 và ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/HSST - QĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1973 (tên gọi khác: không). Sinh trú quán: thôn G, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trình độ văn hóa: 7/10; nghề nghiệp: làm ruộng. Con ông: Nguyễn Hồng B (đã chết) và con bà: Triệu Thị H, sinh năm 1935, có vợ: Bùi Thị V sinh năm 1974, con: có 02 con. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/02/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. (Hôm nay có mặt tại phiên tòa)

2/ Họ và tên: **Trần Cao C**, sinh năm 1982 (tên gọi khác: không). Sinh trú quán: thôn G, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm ruộng. Con ông: Trần Văn Y (đã chết) và con bà: Bùi Thị T sinh năm 1955. Có vợ: Bùi Thị Kim L, sinh năm 1985. Con: có 02 con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Sông Lô.

- Tiền sử: tại Bản án số 32/2016/HSST ngày 28/9/2016, Tòa án nhân dân huyện Sông Lô xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời

gian thử thách 12 tháng tính từ ngày 28/9/2016. Ngày 28/9/2017 chấp hành xong thời gian thử thách (Hôm nay có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Cao C: ông Nguyễn Văn H - Luật sư, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thái Hưng. (Hôm nay có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại: ông Trần Ngọc T, sinh năm 1963; Trú tại: thôn T xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh phúc (Hôm nay có mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1979; trú tại: Thị trấn H, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (Hôm nay vắng mặt tại phiên tòa).

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1963 (vợ ông T); trú tại: thôn T, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh phúc (Hôm nay có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: chị Bùi Thị V, sinh năm 1974; trú tại: thôn G, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (Hôm nay có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 10/6/2019, Nguyễn Văn H cùng Trần Cao C, anh Nguyễn Văn T và anh Khổng Văn Đến chơi và hát karaoke tại nhà ông Trần Huy T ở thôn T, xã Đ.

Đến khoảng hơn 15 giờ cùng ngày, H gọi điện cho ông Trần Ngọc T để đòi tiền lương lái xe, ông T nói: “*Đang đi Tuyên Quang*”. Sau khi gọi điện, H đi về nhà lấy 01 con dao bầu kích thước 33cm và quay lại nhà ông T mục đích đi tìm gặp ông T để đòi tiền lương. Khi đến nhà ông Th, H cầm dao ở tay đứng ngoài sân lúc này ông T nhìn thấy nên hỏi H cầm dao đi đâu, H nói: “*Hôm nay phải đi đánh nhau*” nên ông Th vào nhà bảo mọi người nghỉ không hát nữa. H dùng chiếc áo cộc tay của H cuốn bên ngoài lưỡi dao và để ở giá đèn hàng phía trước xe mô tô BKS: 88H5-1687 của H.

Khoảng 16 giờ 15 phút, anh Tg và anh B về trước, Trần Cao C chở H bằng xe mô tô BKS: 88H5-1687 đi về, trên đường về cách xưởng gỗ thuộc thôn T, xã Đức Bác của anh Nguyễn Hữu D khoảng 50 mét, nhìn phía trước thấy xe ô tô của ông T đỗ trước cổng xưởng gỗ nên H biết ông T đang trong xưởng gỗ của anh D. Lúc này sợ bị rơi dao nên H bảo C: “*Cầm hộ tao con dao để tao xuống xe đòi nợ*”, C cầm con dao ở tay trái vừa lái xe, khi gần đến cổng xưởng gỗ Huấn bảo C: “*Tạt vào đây để tao vào đòi nợ*” thì C lái xe vào đỗ trước cửa xưởng. H lấy dao từ tay của C, mở áo ra cầm trên tay khua khoắng, phi dao vào các tấm ván ở trước cửa xưởng gỗ, đi vào xưởng tìm ông T, Cường cũng đi vào phía xưởng rồi đi ra ngồi trên xe máy chờ H. Khoảng 02 phút sau, ông T đi từ

trong xưởng gỗ ra phía xe ô tô của ông T lúc này H đang đứng quay lưng về hướng ông T, C nhìn thấy ông T đi từ xưởng gỗ ra nên chỉ tay về phía ông T và bảo H: “*Ông T kia*”. Khi ông T lấy 01 con dao bóc ván ôm trước ngực đi về phía xưởng gỗ thì tay phải H cầm dao bầu từ vị trí C ngồi trên xe máy tiến về phía ông T nói: “*Hôm nay phải trả tiền*”, ông T nói: “*Chưa có*”, H đặt lưỡi dao sát cổ trái ông T nói: “*Thích chết không*”, ông T nói: “*Tao đang thích chết, mày giết sâu 5 phân nữa thì mới chết được*”. H dùng tay trái túm cổ áo ông T đẩy ông T lùi về sau 04m, thấy túi áo trước ngực ông T có 01 chiếc điện thoại Sam Sung nên H nảy sinh ý định lấy chiếc điện thoại này, H liền dùng tay trái rút chiếc điện thoại của ông T và cầm chiếc điện thoại đi về phía C đang ngồi trên xe máy, ông T đi theo H đòi điện thoại nhưng H không trả và tay phải cầm dao xia về phía ông T. Do H không trả điện thoại nên ông T chạy đến bãi đất trống cạnh đó cầm 01 thanh nẹp gỗ dài khoảng 03 mét tiến về phía H, lúc này C chạy lại nói: “*Ông T râu không được làm thế*” nhưng ông T vẫn vụt trúng lưng và tay trái H. Hu đuôi ông T về phía cổng phụ xưởng gỗ. Ông T bỏ chạy về phía cổng phụ xưởng gỗ, Cg và H đuổi theo nên bị ông T vung gậy về phía sau trúng mặt và ngực của Cg. H dùng tay trái túm gậy ông T nên làm rơi chiếc điện thoại xuống nền đường bê tông, H tiếp tục đuổi ông T về phía xưởng nhưng không kịp nên H quay lại vị trí điện thoại rơi nhặt chiếc điện thoại cầm tay trái, bà Lê Thị T (vợ ông T) đến nói với H: “*Chú cho chị xin lại chiếc điện thoại vì là điện thoại làm ăn của anh*” thì H vung dao lên, dùng tay đẩy bà T ra kiên quyết không trả, thấy vậy C không can ngăn mà quay đầu xe mô tô về hướng thôn G, nổ máy chờ sẵn. H cầm chiếc điện thoại ngồi lên xe và C chở H về đến nhà C thì H tự đi xe về nhà H. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H đem chiếc điện thoại SamSung A9 trả lại gia đình ông T nhưng ông T không nhận nên H đưa cho cháu nội ông T cầm. Do bị ông T đánh lại nên Nguyễn Văn H bị sưng tím thất lưng trái và cổ tay trái; Trần Cao C bị sưng tím má phải và ngực phải. H và C không đi điều trị ở đâu.

Tại kết luận định giá tài sản số 44 ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sông Lô kết luận: *Trị giá chiếc điện thoại SamSung A9 là 6.500.000đ.*

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với Trần Cao C, không thừa nhận việc cầm dao và chỉ tay về phía ông T. C khai: Khi thấy Hkẻ dao vào cổ ông T đòi nợ thì mới biết mục đích của H là đòi nợ. Khi ông Tcầm gậy chạy đến vụt H, C vào can ngăn không cho ông T đánh H nên cũng bị vụt trúng thì C có chửi ông T: “*Mẹ T Râu tôi vào can mà ông còn đánh tôi*”. Khi thấy bà T đi theo H đòi điện thoại, H không trả nhưng vẫn chở H về vì nghĩ đó là việc riêng giữa ông T với H và sợ xảy ra đánh nhau.

\* Vật chứng vụ án thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động Samsung A9 và 01 con dao cắt ván, xác định của ông Trần Ngọc T, Cơ quan điều tra đã trả lại ông T, ông T không đề nghị các bị cáo phải bồi thường gì. 01 con dao bầu mũi nhọn kích thước 33cm là công cụ phạm tội. 01 chiếc điện thoại MEIZU của Nguyễn Văn H. Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 88H1-1687, là tài sản chung của bị cáo H và vợ là chị Bùi Thị V. Đối với chiếc áo H dùng cuốn con dao, trên đường về đã rơi mất, không xác định được vị trí nên không thu giữ được. 01 đoạn gậy ông T dùng đánh lại Cg và H không thu giữ được.

Bản cáo trạng số: 29 /CT-VKS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Cao C về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Cao C. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H 7 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù đến 7 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2020. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Trần Cao C 07 (bảy) năm tù đến 7 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2020. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Cao C.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Cao C:

- Cơ quan điều tra trong vụ án này đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự cụ thể: biên bản khám nghiệm hiện trường bắt đầu lúc 19h00 phút kết thúc lúc 20h 30 phút ngày 10/6/2019. Lúc này Trần Cao C đang được lấy lời khai ở Công an xã Đ mà lại có ký trong khám nghiệm hiện trường. Trong thành phần tham dự khám nghiệm hiện trường không có tên anh Hà Quang Đ nhưng người vẽ sơ đồ lại là anh Hà Quang Đ.

- Kết luận giám định số: 550/KLGD ngày 20/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh phúc và kết luận giám định số: 318/C09-P6 ngày 22/9/2020 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ công an đã từ chối giám định các nội dung của quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 186 ngày 13/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện sông Lô và Quyết định trưng cầu giám định số 01/QĐ-KS ngày 18/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô. Do vậy kết luận giám định số: 550/KLGD ngày 20/3/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh phúc và kết luận giám định số 318/C09-P6

ngày 22/9/2020 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ công an không được coi là chứng cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Cao Cg.

- Căn cứ vào lời khai của ông Trần Ngọc T thì chiếc điện thoại là tài sản ông T được tặng riêng cho ông T do vậy đây không là tài sản chung của vợ chồng ông T Xác định ông T và bà T là đồng bị hại sẽ gây bất lợi cho bị cáo Trần Cao C.

- Không chấp nhận nội dung của bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Cao C về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ Luật hình sự và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Trần Cao C không phạm tội và trả tự do cho Trần Cao C tại phiên tòa. Xem xét, điều tra làm rõ các hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp trong vụ án này.

Bị cáo H đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố. Bị cáo C không đồng ý nội dung bản Cáo trạng và cho là mình bị oan.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo H đã nhận rõ sai phạm thực sự ăn năn hối hận về việc làm sai trái của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm, làm lại cuộc đời trở thành người công dân có ích cho xã hội. Bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án đúng pháp luật để tránh việc oan sai đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Kết luận giám định số 550/KLGD ngày 20/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc và Kết luận giám định số: 318/C09-P6 ngày 22/9/2020 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ công an được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc thu thập dữ liệu điện tử, có các quyết định trưng cầu giám định bổ sung và quyết định trưng cầu giám định, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh phúc, Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ công an ban hành các kết luận giám định đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do vậy kết luận giám định số: 550/KLGD ngày 20/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh phúc và Kết luận giám định số 318/C09-P6 ngày 22/9/2020 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ công an được Hội đồng xét xử lấy làm chứng cứ để xem xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Trần Cao C. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trần Cao C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Cao C là Cơ quan điều tra trong vụ án này đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự cụ thể: biên

bản khám nghiệm hiện trường bắt đầu lúc 19h00 phút, kết thúc lúc 20h 30 phút ngày 10/6/2019, lúc này bị cáo Cường đang được lấy lời khai tại UBND xã Đ nhưng vẫn có chữ ký trong sơ đồ khám nghiệm hiện trường là không đúng vì trong biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường không có chữ ký của bị cáo Trần Cao C cho nên ý kiến của người bào chữa không được chấp nhận. Trong thành phần tham dự khám nghiệm hiện trường không có anh Hà Quang Đ nhưng người vẽ sơ đồ lại là anh Hà Quang Đ. Hội đồng xét thấy đây chỉ là sai sót do sơ suất. Do vậy chỉ cần kiến nghị với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô kiểm tra rút kinh nghiệm.

[3] Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án căn cứ vào các lời khai của ông Trần Ngọc T và bà Lê Thị T thì Hội đồng xét xử xác định bà T là đồng bị hại với ông T. Tại phiên tòa ông T khai chiếc điện thoại là của người con trai mua cho ông. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Cao C Hội đồng xét xử xác định trong vụ án này người bị hại là ông Trần Ngọc T. Người làm chứng là bà Lê Thị T. Như vậy ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Trần Cao C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện Sông Lô trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H có trả lời một số câu hỏi của Hội đồng xét xử còn lại nhiều câu hỏi bị cáo không trả lời được vì do thời gian đã lâu, không nhớ được hết cho nên bị cáo H luôn đề nghị Hội đồng xét xử lấy lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra để làm căn cứ xem xét hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo H thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” là không oan. Do vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của bị cáo H được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 10/6/2019, tại nhà ông Trần Huy T ở thôn T, xã Đ. Có H, , anh Nguyễn Văn Tg và anh Không Văn B đến chơi và hát karaoke. Đến khoảng hơn 15 giờ, H gọi điện cho ông T để đòi tiền lương lái xe, ông T nói: “Đang đi Tuyên Quang”. Sau khi gọi điện, H đi về nhà lấy 01 con dao bầu và quay lại nhà ông T mục đích đi tìm gặp ông T để đòi tiền lương. H cầm dao đứng ngoài sân, ông T nhìn thấy nên hỏi H “cầm dao đi đâu”, H nói: “Hôm nay phải đi đánh nhau”. Ông T vào nhà bảo mọi người nghỉ không hát nữa. H dùng chiếc áo cộc tay của H cuốn bên ngoài lưỡi dao và để giá đèo hàng phía trước xe mô tô BKS: 88H5-1687 của H. Khi ra về C chở H bằng xe mô tô

BKS: 88H5-1687, trên đường về cách xưởng gỗ thuộc thôn T, xã Đ của anh Nguyễn Hữu D khoảng 50 mét, nhìn phía trước thấy xe ô tô của ông T đỗ trước cổng xưởng gỗ nên H biết ông T đang trong xưởng gỗ của anh D và sợ bị rơi dao nên H bảo C: “*Cầm hộ tao con dao để tao xuống xe đòi nợ*”, C cầm con dao ở tay trái vừa lái xe, khi gần đến cổng xưởng gỗ H bảo C: “*Tạt vào đây để tao vào đòi nợ*” thì C lái xe vào đỗ trước cửa xưởng. H lấy dao từ tay của C, mở áo ra cầm dao trên tay khua khoắng, phi dao vào các tấm ván ở trước cửa xưởng gỗ ngay trước mặt C. Khoảng 02 phút sau, ông T đi từ trong xưởng gỗ ra phía xe ô tô của ông T. Lúc này H đang đứng quay lưng về hướng ông T, C nhìn thấy ông T đi từ xưởng gỗ ra nên chỉ tay về phía ông T và bảo H: “*Ông T kia*”. Khi ông T lấy 01 con dao bóc ván ô-mét trước ngực đi về phía xưởng gỗ thì tay phải Huấn cầm dao bầu từ vị trí C ngồi trên xe máy tiến về phía ông T nói: “*Hôm nay phải trả tiền*”, ông T nói: “*Chưa có*”, H đặt lưỡi dao sát cổ trái ông T nói: “*Thích chết không*”, ông T nói: “*Tao đang thích chết, mà y gi sâu 5 phân nữa thì mới chết được*”. H dùng tay trái túm cổ áo ông T đẩy ông T lùi về sau, thấy túi áo trước ngực ông T có 01 chiếc điện thoại nên H nảy sinh ý định lấy chiếc điện thoại này, H liền dùng tay trái rút chiếc điện thoại của ông T và cầm chiếc điện thoại đi về phía C đang ngồi trên xe máy, ông T đi theo H đòi điện thoại nhưng H không trả và tay phải cầm dao xĩa về phía ông T. Do H không trả điện thoại nên ông T chạy đến bãi đất trống cạnh đó cầm 01 thanh nẹp gỗ dài khoảng 03 mét tiến về phía H, lúc này C chạy lại nói: “*Ông T râu không được làm thế*” nhưng ông T vẫn vụt trúng lưng và tay trái H. C và H đuổi theo ông T nhưng không kịp. Ông T bỏ chạy về phía cổng phụ xưởng gỗ. Trong lúc xô xát H dùng tay trái túm gáy ông T nên làm rơi chiếc điện thoại xuống nền đường bê tông, H đuổi ông T không kịp nên H quay lại vị trí điện thoại rơi nhặt chiếc điện thoại cầm ở tay trái, tay phải vẫn cầm dao. Bà Lê Thị T (vợ ông T đến nói với H: “*Chú cho chị xin lại chiếc điện thoại ...*” thì H vung dao lên, dùng tay đẩy bà T ra kiên quyết không trả, thấy vậy C không can ngăn mà quay đầu xe mô tô về hướng thôn G, nổ máy chờ sẵn. H cầm chiếc điện thoại ngồi lên xe và C chở H đi. Bà T không đuổi kịp.

Lời khai của bị cáo H như trên phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ như sau :

- Trong Kết luận giám định số 550/KLGD ngày 20/3/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh phúc và kết luận giám định số 318/C09-P6 ngày 22/9/2020 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ công an có từ chối một phần nội dung yêu cầu giám định. Tuy nhiên sau khi có các kết luận giám định thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc có tiến hành thông báo kết luận giám định cho bị cáo Trần Cao C. Bị cáo Trần Cao C đã nhận và không có ý kiến gì khác với nội dung của bản kết luận giám định điều này có nghĩa bị cáo C đồng ý 15

ảnh diễn biến, hành vi, cử chỉ của người mặc áo ngắn tay màu đen xuất hiện trên tập tin VIDEO gửi đi giám định. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Trần Cao C khai nhận người ký hiệu A chính là C chở theo H. (Bút lục 117 và 293a)

- Tại bản ảnh số 01 kèm theo kết luận giám định số 550/KLGD ngày 20/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc (thời gian hồi 16 giờ 21 phút 30 giây ngày 10/6/2019) kết luận: *“Xuất hiện 01 người mặc áo ngắn tay màu đen, quần ngắn sáng màu (ký hiệu: người A). Người A điều khiển 01 xe mô tô chở theo sau 01 người mặc quần ngắn sáng màu, không mặc áo. Lúc này tay trái người A cầm 01 vật không xác định được cụ thể đặc điểm”*. Tại bản ảnh số 03 kèm theo kết luận giám định số 550/KLGD ngày 20/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc (thời gian hồi 16 giờ 21 phút 34 giây ngày 10/6/2019) kết luận: người A đang ngồi trên xe mô tô đang dừng đỗ, lúc này tay người A không cầm 01 vật không xác định được cụ thể như đặc điểm như khi tới. Vào thời gian 16 giờ 24 phút 03 giây trong tập tin VIDEO được sao lưu vào 01 đĩa DVD kèm theo kết luận giám định số 1210/ KLGĐ ngày 27/6/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc thì trên màn hình xuất hiện 01 người đàn ông (ông Trần Ngọc T nhận đây chính là ông) đi từ trong xưởng đi ra về phía 01 chiếc xe ô tô đang đỗ thì người đàn ông đang ngồi trên xe mô tô (bị cáo C thừa nhận đây chính là C) có hành động chỉ tay về phía ông T Bị cáo C (người A) không thừa nhận trên tay cầm vật gì cho nên không xác định được đặc điểm. Các hình ảnh này phù hợp lời khai của bị cáo H là đưa dao cho C cầm ở bên tay trái khi đang lái xe mô tô. Khi xe mô tô đỗ thì H lấy dao ở tay Cường. C nhìn thấy ông T đi từ xưởng gỗ ra nên chỉ tay về phía ông T và bảo H: *“Ông T kia”*. Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn H được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tại phiên tòa bị cáo Trần Cao C có thay đổi một số lời khai so với khi khai ở giai đoạn điều tra. Lời khai của C ở cơ quan điều tra như sau: tôi thấy ông T trên tay ôm vật gì tiến về hướng xưởng gỗ, anh H trên tay phải cầm dao bầu tiến về phía ông T và nói *“Mày trả tiền cho tao vì tao làm cho mày một tháng rưỡi rồi”*, đồng thời anh H giơ dao vào cổ bên trái của ông T, tay trái túm cổ áo đẩy ông T lùi về phía sau khoảng 3-4 mét, rồi tôi thấy anh H quay về phía tôi tay phải vẫn cầm dao, tay trái cầm gì hay không tôi không để ý vì lúc này để ý ông T đang chạy về phía bãi đất trống rồi cầm đoạn gậy, chạy về phía anh H thì tôi xuống xe chỉ về phía ông T và nói *“ông T râu, ông không được làm thế”*, đồng thời tôi chạy về phía hai người, lúc này ông T vụt anh H, anh H cầm dao đuổi ông T, tôi và bà T chạy theo hai người, ông T chạy vào xưởng bên cạnh. T, anh H và bà T quay về phía xe máy, tôi thấy H cúi xuống cầm chiếc điện thoại ở nền đường bê tông, lúc này bà T đi theo anh H nói *“chú cho tôi xin lại chiếc điện thoại”* anh H tay phải cầm dao khua khoắng, đẩy bà T ra, không đưa điện thoại cho bà T, tôi đi lại xe máy và quay xe bảo anh H *“cháu lai ông về, nát rệu nó đánh cho”* rồi tôi chở H cầm theo chiếc điện thoại về. (BL 293a). Tôi



nhìn thấy sau khi đuổi ông T về cổng phụ của xưởng gỗ, tôi nhìn thấy H nhặt 01 chiếc điện thoại ở dưới đất của ông T ...(Bút lục 301). H nhặt điện thoại màu đen trên nền đường bê tông thì bà T đi theo H mục đích để đòi điện thoại nhưng H không trả, tay phải vẫn cầm dao xia về phía bà T, tay trái vẫn cầm điện thoại và đẩy bà T ra, mục đích không trả điện thoại cho bà T. Lúc này Tôi quay xe mô tô về phía thôn G và bảo H “*Cậu về thôi*” H cầm điện thoại ngồi lên xe tôi chở H về nhà tôi (Bút lục 308, 321). Tôi chứng kiến việc bà T đi theo và đòi điện thoại, khi đó tôi không can ngăn hay có cử chỉ lời nói gì với H và bà T mà đi lại chiếc xe máy và quay xe (Bút lục 316). Tôi không thấy H trả điện thoại cho bà T...(Bút lục 336).

- Lời khai của bà Lê Thị T: Khi H cúi xuống nhặt chiếc điện thoại tôi theo sau nói “Cho chị xin chiếc điện thoại...” H nói “không trả....” Lúc này C đi sát ngay đó và có nói nhiều câu nhưng do tôi không để ý nên không biết nói gì ...Lúc này C nổ máy, quay đầu xe chờ H, tay Huấn vẫn cầm con dao và điện thoại ngồi lên xe thì Cường lái xe đi thẳng... Cường có nói gì nhưng tôi không để ý.....Tôi khẳng định là Cường biết Huấn vẫn cầm điện thoại khi ngồi lên xe, tôi vẫn đi theo để đòi điện thoại ...vì tôi đi theo một hai bước nhưng không kịp. (Bút lục 408).

- Lời khai của Huấn tại cơ quan điều tra: Tôi khẳng định là Cường có giúp sức cho tôi trong việc cướp chiếc điện thoại của ông Thụ vì thực tế Cường không can ngăn gì tôi trong việc cướp chiếc điện thoại của ông Thụ (Bút lục 245).

- Lời khai của ông Thụ: Tôi cam đoan là không phải Cường lao vào can ngăn mà Cường lao vào với mục đích để đánh tôi vì tôi nhớ rõ hành động của Cường trợn mắt, hai tay nắm đấm và giang tay đánh tôi thì tôi mới chống trả và bỏ chạy về cửa xưởng gỗ phụ (Bút lục 152).

- Lời khai của anh Nguyễn Hữu Dũng: lúc Huấn cúi xuống nhặt chiếc điện thoại đã lấy của ông Thụ thì Cường nhìn thấy vì khi ông Thụ cầm đoạn gậy vọt Huấn thì Cường chạy lại, cả Huấn và Cường đuổi theo ông Thụ thì ông Thụ bỏ chạy vào trong xưởng (Bút lục 165).

Xét lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Huấn và lời khai của bị cáo Trần Cao Cường tại phiên tòa và các lời khai của bị cáo Trần Cao Cường tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi của cướp của Huấn diễn ra liên tục từ khi chuẩn bị dao để đi đòi nợ, nhờ Cường cầm dao và đã được Cường cầm dao đến xưởng gỗ. Đến xưởng gỗ, **Huấn đã lấy dao từ tay Cường và Cường** chỉ cho Huấn biết khi ông Thụ xuất hiện. Biết Huấn nhặt điện thoại của ông Thụ, bà Thụ xin lại điện thoại, Cường biết là điện thoại của

ông Thụ nhưng không cản ngăn, trong khi Huấn vẫn liên tục xĩa dao, đẩy bà Thụ ra và kiên quyết không trả điện thoại thì lúc này Cường đã nổ xe máy quay đầu đứng chờ, trong lúc đó Huấn tiếp tục đẩy bà Thụ ra, Huấn cầm chiếc điện thoại nhanh chóng lên xe của Cường, Cường tăng ga chở theo Huấn bỏ chạy khỏi hiện trường. Bà Thụ đuổi theo nhưng xe mô tô do Cường lái đã chạy nhanh nên đã không kịp. Do đó hành vi của Trần Cao Cường đã đồng phạm với Nguyễn Văn Huấn.

Do vậy hành vi dùng dao và vũ lực ngay tức khắc của bị cáo Nguyễn Văn Huấn và được sự giúp sức của Trần Cao Cường để chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Samsung A9 trị giá 6.500.000đ của ông Trần Ngọc Thụ được pháp luật bảo vệ. Hành vi như trên của bị cáo Nguyễn Văn Huấn và Trần Cao Cường đã cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

*“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

*d) Sử dụng ... phương tiện ... nguy hiểm khác;”...*

Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS, ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Huấn và Trần Cao Cường về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Như vậy đề nghị tuyên bị cáo Trần Cao Cường không phạm tội và trả tự do ngay tại phiên tòa của người bào chữa cho bị cáo Trần Cao Cường không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã **xâm phạm đến tài sản và sức khỏe của người khác** được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo là người có sức khỏe, có hiểu biết xã hội nhất định nhưng do nhận thức hạn chế về pháp luật và xuất phát từ việc đi đòi nợ mà đã có hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ để buộc người bị hại nợ tiền buộc phải trả tiền trong khi người bị hại đã khát nợ. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi, vai trò và hậu quả do các bị cáo Huấn và Cường gây ra cho xã hội.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Huấn luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản sau khi chiếm đoạt của người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, Bố mẹ bị cáo được tặng huân huy chương do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo

quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng vẫn phải xử phạt bị cáo với mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố để tạo điều kiện cho bị cáo Huấn sớm trở về với xã hội để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Trần Cao Cường thì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Cường luôn thay đổi lời khai về các tình tiết của vụ án theo nhận thức của bản thân, Bị cáo Cường được người bị hại xin giảm nhẹ mức hình phạt, bị cáo không có tiền án, tiền sự, **nhưng có nhân thân xấu. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo** do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Cường phạm tội với vai trò giúp sức. Do đó chỉ cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt bằng mức khởi điểm của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố để tạo điều kiện cho bị cáo Cường sớm trở về với xã hội để trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét thấy Nguyễn Văn Huấn và Trần Cao Cường **đều làm ruộng, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.**

[6] Về trách nhiệm dân sự: ông Trần Ngọc Thụ không có yêu cầu gì về dân sự cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Vật chứng vụ án: 01 con dao bầu mũi nhọn kích thước 33cm cần tịch thu tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng. 01 chiếc điện thoại MEIZU của Nguyễn Văn Huấn cần trả lại cho bị cáo Huấn nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 88H1-1687, là tài sản chung của vợ, chồng Huấn, chị Bùi Thị Vân (vợ Huấn) không biết các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, xét thấy đây là phương tiện đi lại của gia đình cần trả lại cho vợ chồng bị cáo.

[ 8] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn Huấn và Trần Cao Cường phạm tội "Cướp tài sản".

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Huấn 7 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt tạm giam bị cáo Huấn (ngày 02/02/2020).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Cao Cường 07 (bảy ) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo Cường (ngày 11/5/2020).

3. Xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 con dao bầu mũi nhọn vì không còn giá trị sử dụng. Trả lại cho bị cáo Huấn 01 chiếc điện thoại MEIZU nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Huấn và chị Bùi Thị Vân (vợ bị cáo Huấn) 01 chiếc xe mô tô BKS: 88H1-1687 (các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Sông Lô và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô ngày 24 /8 /2020).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 quy định về Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Huấn và Trần Cao Cường mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN QUỐC HỒNG**